TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2020/DSST
Ngày: 29 /5/ 2020
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đích.
2. Ông Nguyễn Văn Đời.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Cán bộ Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà - Số 25 Hà Thị Thân, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2020/QĐST-DS ngày 27/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 139/QĐST-HPT ngày 12 tháng 5 năm 2020.

***Nguyên đơn:** Ông Phan Ngọc L, sinh năm 1990. Địa chỉ: M Châu Thị Vĩnh T, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thanh L, sinh năm 1984; địa chỉ: Số N Trần Xuân L, phường Hòa K, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng theo giấy ủy quyền ngày 16/01/2020 do Chủ tịch UBND phường Mỹ A, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng chứng thực.Có mặt.

***Bị đơn**: Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T), sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ M, phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án nhân dân quận Sơn Trà của Ông Phan Ngọc L, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay người đại diện ủy quyền Ông Lê Thanh L trình bày:

Trước đây, ông L và bà Bùi Thị Thùy T có mối quan hệ làm ăn quen biết với nhau. Trong quá trình làm ăn, vào ngày 01 tháng 6 năm 2016 bà Bùi Thị Thùy T có mượn ông L số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Khi mượn tiền, bà T có viết giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 10 tháng 6 năm 2016 bà T sẽ trả cho ông L số tiền trên. Sau đó, vào ngày 03 tháng 6 năm 2016 bà T tiếp

tục mượn của ông L số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Khi mượn tiền, bà T có viết giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 13 tháng 6 năm 2016 sẽ trả số tiền trên.

Tổng số tiền bà T đã mượn hai lần của ông L là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, dù đã đến hẹn thanh toán nhưng bà T vẫn không trả tiền cho ông L. Ông L đã nhiều lần gọi điện cũng như gặp mặt trực tiếp yêu cầu bà T thanh toán theo đúng giấy hẹn nhưng bà T hẹn đi hẹn lại nhiều lần và cố tình lẫn tránh không chịu trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Phan Ngọc L đã làm đơn bổ sung yêu cầu TAND quận Sơn Trà giải quyết buộc Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) trả tiền gốc đã mượn là 750.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính trên nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm là 270.534.247 đồng. Tổng số tiền ông L yêu cầu bà T phải trả là: 1.020.534.247 đồng.

Trong đó, số tiền lãi chậm trả mà ông L yêu cầu bà T phải trả được tạm tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của ông L bị xâm phạm đến ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 20 tháng 01 năm 2020. Tuy nhiên, đến nay vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho đương sự, việc tính lãi chậm trả được tính từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm đến thời điểm xét xử là ngày 29 tháng 5 năm 2020 với mức lãi suất tương ứng theo quy định pháp luật.

Do đó, ông L bổ sung đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm trả của nguyên đơn như sau:

Buộc bà Bùi Thị Thùy T trả cho Ông Phan Ngọc L tiền lãi chậm trả đối với các số tiền đã mượn là **292.807.500** đồng *(Hai trăm chín mươi hai triệu, tám trăm linh bảy nghìn, năm trăm đồng),* cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày 11.06.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 20 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 20.000.000 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 29.05.2020 (03 năm 04 tháng 28 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 136.304.000 đồng.

- Đối với số tiền 350.000.000 đồng tính từ ngày 14.06.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 17 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 17.237.500 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 29.05.2020 (03 năm 04 tháng 28 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 119.266.000 đồng.

Vậy Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) phải trả cho Ông Phan Ngọc L số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 292.807.500 đồng, tổng số tiền cả gốc cả lãi là 1.042.807.500 đồng *(Một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu tám trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng).*

** Bị đơn Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà T không đến nên không có lời khai của bà T trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không có yêu cầu phản tố.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Ông Phan Ngọc L với bị đơn Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ông Phan Ngọc L thì vào ngày 01 tháng 6 năm 2016 Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) có mượn ông L số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Khi mượn tiền, bà T có viết giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 10 tháng 6 năm 2016 bà T sẽ trả cho ông L số tiền trên. Sau đó, vào ngày 03 tháng 6 năm 2016 bà T tiếp tục mượn của ông L số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 13 tháng 6 năm 2016 bà T sẽ trả. Tổng số tiền hai lần bà T mượn của ông L là750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy:

Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn Ông Phan Ngọc L, với bị đơn Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Tại giấy mượn tiền ngày 01 tháng 6 năm 2016 Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy

T) có mượn ông L số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Khi mượn tiền, bà T có viết giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 10 tháng 6 năm 2016 bà T sẽ trả. Sau đó, vào ngày 03 tháng 6 năm 2016 bà T tiếp tục mượn của thêm số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 13 tháng 6 năm 2016 bà T sẽ trả cho tôi số tiền trên. Tổng số tiền hai lần bà T mượn của ông L là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Việc khởi kiện của ông L yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả số tiền nợ 750.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 290, 471,474, 478, của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phan Ngọc L đối với bà Bùi Thị Thùy T.

[4] Đối với việc yêu cầu tiền lãi chậm trả là **292.807.500** đồng *(Hai trăm chín mươi hai triệu, tám trăm linh bảy nghìn, năm trăm đồng)*. *Cụ thể:*

- Số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày 11.06.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 20 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 20.000.000 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 29.05.2020 (03 năm 04 tháng 28 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 136.304.000 đồng.

- Số tiền 350.000.000 đồng tính từ ngày 14.06.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 17 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 17.237.500 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 29.05.2020 (03 năm 04 tháng 28 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 119.266.000 đồng.

HĐXX xét thấy về việc yêu cầu đối với khoản tiền lãi được tính theo 02 thời điểm đến ngày xét xử sơ thẩm của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, mặc dù trong các giấy cam kết mượn tiền không thể hiện các đương sự thỏa thuận về lãi suất tuy nhiên do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L nên ông L yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả lãi kể từ ngày bị xâm phạm được tính vào 02 thời điểm là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 4 điều 474 BLDS 2005 và điều 466 BLDS 2015 nên HĐXX chấp nhận và buộc Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) phải trả cho Ông Phan Ngọc L số tiền lãi **292.807.500** đồng *(Hai trăm chín mươi hai triệu, tám trăm linh bảy nghìn, năm trăm đồng)*.

Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phan Ngọc L đối với Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T). Buộc Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) phải trả cho Ông Phan Ngọc L số tiền 1.042.807.500 đồng *(Một tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm linh bảy nghìn, năm trăm đồng).* Trong

đó số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử 29/5/2020 là 292.807.500 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu, tám trăm linh bảy nghìn, năm trăm đồng).

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ông Phan Ngọc L được chấp nhận nên bị đơn Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) phải chịu là : 43.284.225 đồng *(Bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm hai lăm đồng)*

Hoàn trả cho Ông Phan Ngọc L số tiền tạm ứng án phí 21.308.014 đồng(*Hai mươi mốt triệu ba trăm lẻ tám nghìn không trăm mười bốn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008407 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 290, 471,474, 478 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của Ông Phan Ngọc L đối với Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T).

Xử:

1. Buộc Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) phải trả cho Ông Phan Ngọc L số tiền 1.042.807.500đồng, trong đó số tiền gốc là 750.000.000đồng (*bảy trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi chậm trả 292.807.500đồng.

2. Án phí DS-ST: 43.284.225 đồng *(Bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm hai lăm đồng)* Bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T) phải chịu.

Hoàn trả cho Ông Phan Ngọc L số tiền tạm ứng án phí 21.308.014 đồng (*Hai mươi mốt triệu ba trăm lẻ tám nghìn không trăm mười bốn đồng*) đã nộp

theo biên lai thu số 0008407 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Sơn Trà, TP. ĐN;*
- *Chi cục THADS quận Sơn Trà, TP. ĐN;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG